

Số: 1260/QĐ-CTHADS

Hà Tĩnh, ngày 14 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022**

**CỤC TRƯỞNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH**

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 1258/QĐ-CTHADS ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Cục trưởng cục thi hành án dân sự về việc giao điều chỉnh, bổ sung thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Theo đề nghị của Kế toán trưởng kế toán ngân sách Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh,

**QUYẾT ĐỊNH:**

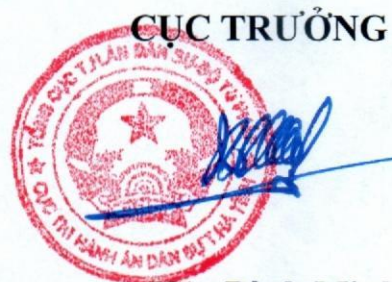
**Điều 1.** Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh (chi tiết theo Phụ lục đính kèm Quyết định này).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng cục, kế toán trưởng kế toán ngân sách và Thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT,KT.



**Văn Đình Minh**

Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: CỤC THADS TỈNH HÀ TĨNH

Chương: 01

**DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số 1260/QĐ- CTHADS ngày 14/11/2022 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ						
				Văn phòng	Thành phố	Vũ Quang	Hồng Lĩnh	Kỳ Anh	Hương Sơn
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>								
1	Số thu phí, lệ phí	0	0						
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0	0						
2.1	Chi quản lý hành chính	0	0						
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0						
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0						
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	0	0						
<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>-141,860,000</b>	<b>-140,960,000</b>	<b>-334,154,404</b>	<b>64,369,590</b>	<b>5,544,321</b>	<b>67,185,400</b>	<b>30,279,284</b>	<b>19,363,893</b>
1	Chi quản lý hành chính	-27,000,000	0						
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-26,100,000	-26,100,000	-334,154,404	64,369,590	5,544,321	67,185,400	30,279,284	19,363,893
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-900,000	-900,000	-900,000					
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề</b>	<b>-114,860,000</b>	<b>-114,860,000</b>	<b>-179,610,000</b>	<b>12,400,000</b>	<b>4,500,000</b>	<b>3,200,000</b>	<b>4,500,000</b>	<b>10,050,000</b>
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0						
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-114,860,000	-114,860,000	-179,610,000	12,400,000	4,500,000	3,200,000	4,500,000	10,050,000



*Handwritten signature or initials in blue ink.*

Số TT	Nội dung	Trong đó							
		Hương Khê	Cẩm Xuyên	Thạch Hà	Can Lộc	Nghi Xuân	Lộc Hà	Đức Thọ	TX Kỳ Anh
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí								
1	Số thu phí, lệ phí								
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại								
2.1	Chi quản lý hành chính								
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ								
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ								
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN								
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	37,277,564	7,683,853	-8,905,474	3,431,313	13,081,583	10,870,789	19,731,645	38,140,643
1	Chi quản lý hành chính								
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	37,277,564	7,683,853	-8,905,474	3,431,313	13,081,583	10,870,789	19,731,645	38,140,643
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ								
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	10,750,000	5,700,000	0	0	10,450,000	0	3,200,000	0
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	10,750,000	5,700,000	0	0	10,450,000	0	3,200,000	0

Hà Tĩnh, ngày 14 tháng 11 năm 2022

Cục trưởng

Văn Đình Minh



Đơn vị: CỤC THADS TỈNH HÀ TĨNH

Chương: 01

**DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số 1260/QĐ- CTHADS ngày 14/11/2022 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ						
				Văn phòng	Thành phố	Vũ Quang	Hồng Lĩnh	Kỳ Anh	Hương Sơn
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí								
1	Số thu phí, lệ phí	0	0						
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0	0						
2.1	Chi quản lý hành chính	0	0						
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0						
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0						
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	0	0						
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	-141,860,000	-140,960,000	-334,154,404	64,369,590	5,544,321	67,185,400	30,279,284	19,363,893
1	Chi quản lý hành chính	-27,000,000	0						
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-26,100,000	-26,100,000	-334,154,404	64,369,590	5,544,321	67,185,400	30,279,284	19,363,893
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-900,000	-900,000	-900,000					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-114,860,000	-114,860,000	-179,610,000	12,400,000	4,500,000	3,200,000	4,500,000	10,050,000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0						
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-114,860,000	-114,860,000	-179,610,000	12,400,000	4,500,000	3,200,000	4,500,000	10,050,000



*Handwritten signature or initials.*

Số TT	Nội dung	Trong đó							TX Kỳ Anh
		Hương Khê	Cẩm Xuyên	Thạch Hà	Can Lộc	Nghi Xuân	Lộc Hà	Đức Thọ	
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí								
1	Số thu phí, lệ phí								
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại								
2.1	Chi quản lý hành chính								
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ								
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ								
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN								
II	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>37,277,564</b>	<b>7,683,853</b>	<b>-8,905,474</b>	<b>3,431,313</b>	<b>13,081,583</b>	<b>10,870,789</b>	<b>19,731,645</b>	<b>38,140,643</b>
1	Chi quản lý hành chính								
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	37,277,564	7,683,853	-8,905,474	3,431,313	13,081,583	10,870,789	19,731,645	38,140,643
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ								
3	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề</b>	<b>10,750,000</b>	<b>5,700,000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>10,450,000</b>	<b>0</b>	<b>3,200,000</b>	<b>0</b>
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên								
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	10,750,000	5,700,000	0	0	10,450,000	0	3,200,000	0

Hà Tĩnh, ngày 14 tháng 11 năm 2022

Cục trưởng

Văn Đình Minh



Hà Tĩnh, ngày 14 tháng 11 Năm 2022.

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 4/2022**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị  
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90 /2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 4/2022 như sau:

ĐV tính: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>				
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Phí, lệ phí				
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
I	Phí, lệ phí				
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>				
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>-514,664,404</b>			
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>-335,054,404</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-334,154,404			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-900,000			
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ nguồn 14 để cải cách tiền lương				
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>				
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	<b>-179,610,000</b>			
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-179,610,000			

Ngày 14 tháng 11 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Văn Đình Minh

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: CỤC THADS TỈNH HÀ TĨNH

Chương: 014

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số 1260 /QĐ- CTHADS ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Cục trưởng cục THADS tỉnh Hà Tĩnh)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	<b>0</b>
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>0</b>
1	Chi từ nguồn phí để lại ( gồm 55% được sử dụng tại đơn vị và 20% nộp TC	
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	
2	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	<b>0</b>
I	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước (25%)	
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>-514,664,404</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	
1	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>-335,054,404</b>
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-334,154,404
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-900,000
1.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ nguồn 14 để cải cách tiền lương	
3	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	<b>-179,610,000</b>
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-179,610,000

Hà Tĩnh, ngày 14 tháng 11 năm 2022

Cục trưởng



Van Đình Minh

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: CỤC THADS TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 12 Năm 2022

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90 /2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2022 như sau:

ĐV tính: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>				
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	0	0	0	0
1	Phí, lệ phí				
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	0	0	0	0
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	0	0	0	0
1	Phí, lệ phí				
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>				
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>				
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	2,055,810	0	0	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	306,710			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1,749,100			
1.3	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ nguồn 14 để cải cách tiền lương	18,890			
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>				
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	92,750			
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	92,750			

Ngày 30 tháng 12 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Vân Đình Minh